

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 74/2024/HS-PT
Ngày: 08-11-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tỉnh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Lương

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:

Ông Đặng Hữu Tài- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 69/2024/TLPT-HS ngày 01 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thành H và Nguyễn Văn P do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2024/HS-ST ngày 07- 8-2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thành H, sinh năm: 1980 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 3/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị B; vợ: Trần Thị Tuyết D; có 02 người con: lớn sinh năm 2003, nhỏ sinh năm 2006; tiền án; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. Nguyễn Văn P, sinh năm: 1989 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre; Chỗ ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 01/12; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị L; vợ: Trần Kim C; có 02 người con: lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2023; tiền án; tiền sự: không; bị cáo tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa co bị cáo Nguyễn Thành H: Ông Lê Nhật H1 – Luật sư Văn phòng L1 thuộc Đoàn luật sư tỉnh B, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 17h ngày 24/11/2023, Nguyễn Thành H, Nguyễn Văn P, Nguyễn Văn V1 và Cù Văn B1 cùng nhau tổ chức tiệc nhậu tại nhà ông B1 ở ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre. Trong lúc V1 và B1 làm mồi (đồ chám), H kể lại sự việc bị Nguyễn Quốc T1 – sinh năm 1991 ngụ ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre là người giữ tôm thuê cho ông Nguyễn Văn H2 - sinh năm 1970 ngụ ấp G, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre nói H lấy trộm tôm cho P nghe. Lúc này, P liền bảo H dẫn đi tìm T1 để đánh thì H đồng ý, B1 và V1 không nghe. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, sau khi nghỉ nhậu H liền dẫn P đến chòi giữ tôm của T1 gần đó để tìm T1 còn B1 và V1 đang dọn dẹp bàn nhậu. Khi P và H đến chòi của T1 bằng cửa sau thì B1 và V1 cũng vừa đi đến cửa trước của chòi giữ tôm tìm T1 để xin phao thả lưới. Thấy H đến, T1 liền mời H vào uống trà thì H dùng chân đá ngã cây quạt trong chòi tôm nên giữa H và T1 xảy ra cự cãi. Lúc này, P từ phía sau lưng T1 xông đến dùng tay đánh trúng làm gãy sừng mũi T1. Bị đánh bất ngờ, T1 chụp lấy 02 con dao gần đó cầm trên tay thì bị P ôm khóa tay lại rồi đè vật T1 xuống đất làm rơi 01 con dao. Thấy vậy, H liền nhặt viên gạch ống gần đó chạy đến đánh nhiều cái vào đầu T1 thì T1 đưa tay chống đỡ nên bị thương tích. Lúc này, B1 và V1 vào can ngăn gỡ lấy con dao còn lại trên tay T1 nên T1 vùng dậy bỏ chạy thì P cũng quăng bỏ lại viên gạch rồi lấy cây đập làm hư hỏng cái bàn tròn trong chòi tôm rồi bỏ ra về, còn T1 được đưa đến bệnh viện cấp cứu, điều trị.

Vật chứng và tài sản thu giữ do Nguyễn Quốc T1 giao nộp (chưa xử lý) gồm:

- 01 (Một) con dao dài 33cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 21cm, bề rộng lưỡi dao 09cm, mũi dao bằng, cán dao bằng gỗ tròn dài 12cm, đường kính 03cm được niêm phong trong túi niêm phong mã số 2114104 của Nguyễn Quốc T1.

- 01 (Một) viên gạch màu đỏ, loại gạch xây kích thước (17,5 x 7 x 7)cm, một góc của viên gạch bị vỡ được niêm phong trong túi niêm phong mã số 047467, sau giám định được cho vào túi niêm phong đóng dấu Trung tâm Pháp y tỉnh B.

Tại Bản kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số 20/24/KLTTCT-TTPYBT ngày 25/01/2024, Trung tâm Pháp y tỉnh B kết luận Nguyễn Quốc T1 bị: “Móng tay ngón 2 tay phải bầm tím là 01%; Sẹo ngón 1 tay phải kích thước nhỏ là 01%; 02 sẹo mu bàn tay phải kích thước nhỏ, mỗi sẹo là 01%; Sẹo mặt trong bàn chân phải kích thước nhỏ là 01%; Sẹo mặt trong cẳng chân phải kích thước nhỏ là 01%; Sạm da vùng cằm, trán, mu chân trái là 01%; Gãy xương chính mũi không ảnh hưởng hô hấp là 07%; Gãy đốt xa ngón 2 tay phải là 01% và xác định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của Nguyễn Quốc T1 tại thời điểm giám định là 14%. Cơ chế hình thành thương tích là do vật tày gây ra. Viên gạch gửi giám định có thể gây ra vết thương trên đầu, tay và mũi của anh T1. Nếu dùng tay có thể gây ra được vết thương trên mũi của anh T1.”

Tại Bản kết luận kết luận định giá tài sản ngày 03/KL-HĐĐGTS ngày 01/02/2024, Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện B kết luận: “01 quạt đứng hiệu Senko, sản xuất tháng 5/2018, tài sản đã qua sử dụng, ốp nhựa đầu bị

bể giá trị thiệt hại là 50.000 đồng; 01 chiếc bàn kim loại màu trắng, đường kính mặt bàn 1,15m, tài sản đã qua sử dụng, mặt bàn bị móp, chân bị cong giá trị thiệt hại là 300.000 đồng. Tổng cộng thiệt hại là 350.000 đồng.”

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 41/2024/HS-ST ngày 07/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành H và Nguyễn Văn P phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/8/2024, bị cáo Nguyễn Văn P và Nguyễn Thành H kháng cáo yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Các bị cáo không thay đổi yêu cầu kháng cáo và khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung Bản án sơ thẩm.

- Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thành H, Nguyễn Văn P phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và xử phạt bị cáo H 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù; bị cáo P 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Các bị cáo có nhân thân tốt, có hoàn cảnh khó khăn. Các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Các bị cáo phạm vào tình tiết định khung tăng nặng “Có tính chất côn đồ” nên không đủ điều kiện được hưởng án treo. Đề nghị căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành H và Nguyễn Văn P; sửa Bản án sơ thẩm. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành H và Nguyễn Văn P phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành H từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù. Căn cứ điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P từ 09 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù. Các

phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

- Các bị cáo không tranh luận.

- Người bào chữa cho bị cáo H, cho rằng về tội danh theo Tòa án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới bị hại có đơn xin giảm nhẹ cho bị cáo và cho bị cáo hưởng án treo, bị cáo có nhân thân tốt, hoàn cảnh khó khăn. Đề nghị giảm hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Bị cáo Nguyễn Thành H nói lời sau cùng: Hoàn cảnh bị cáo khó khăn yêu cầu cho bị cáo hưởng án treo.

- Bị cáo Nguyễn Văn P nói lời sau cùng: Hoàn cảnh bị cáo nghèo, khó khăn, còn cha già, cho bị cáo ở nhà lo cho gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ của vụ án, có cơ sở xác định: Vào khoảng 18h30 phút ngày 24/11/2023 tại khu vực chòi giữ tôm của ông Nguyễn Văn H2 ở ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre, Nguyễn Thành H và Nguyễn Văn P đã có hành vi dùng gạch ống là hung khí nguy hiểm và tay đánh anh Nguyễn Quốc T1 gây thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 14%; Nguyên do, các bị cáo cho rằng bức tức việc T1 nói H trộm tôm, P bảo H dẫn đi tìm T1 để đánh. Tuy nhiên anh T1 không thừa nhận việc nói H trộm tôm và theo dõi chất giữa H và T1 thì H cho rằng “*Nội dung lời kể do tôi say rượu bịa ra nói, tôi không nghe anh T1 nói tôi trộm tôm*” (BL 301). Như vậy, các bị cáo thực hiện hành vi đánh anh T1 do tự nghĩ ra. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính cách xem thường sức khỏe của người khác, là đồng phạm với nhau.

Với ý thức, hành vi và hậu quả do các bị cáo gây ra, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố bị cáo Nguyễn Thành H và bị cáo Nguyễn Văn P phạm tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 (thuộc các điểm a, i khoản 1) Điều 134 Bộ luật Hình sự là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, thấy rằng: Tòa án cấp sơ thẩm khi áp dụng hình phạt tù đã xem xét nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo như: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đã

thỏa thuận bồi thường xong thiệt hại cho người bị hại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong giai đoạn phúc thẩm, ngày 17/8/2024 bị hại có đơn yêu cầu giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo hưởng án treo; bị cáo Nguyễn Văn P đang nuôi hai con nhỏ, cung cấp xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn; bị cáo H cho rằng còn mẹ lớn tuổi (sinh năm 1947), gia đình khó khăn (theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự). Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên giảm một phần hình phạt cho bị cáo. Các bị cáo phạm vào tình tiết định khung tăng nặng “Có tính chất côn đồ” theo điểm i khoản 1 Điều 134 Bộ luật Hình sự nên không đủ điều kiện hưởng án treo theo quy định Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 và Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy, chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo, sửa bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Kiểm sát viên phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử; Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo H có phần không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

[5] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thành H và Nguyễn Văn P không phải chịu án phí phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận một phần.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thành H và Nguyễn Văn P, sửa quyết định của Bản án sơ thẩm.

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1 Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành H** 01 (một) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

1.2 Căn cứ vào điểm đ khoản 2 (thuộc điểm a, i khoản 1) Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1 Điều 54; Điều 38 của Bộ Luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn P** 01 (một) năm tù về “Tội cố ý gây thương tích”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt tù.

2. Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thành H, bị cáo Nguyễn Văn P không phải chịu.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Ba Tri (6b);
- Công an và VKSND huyện Ba Tri (2b);
- Chi cục THADS huyện Ba Tri (1b);
- UBND xã Tân Xuân, huyện Ba Tri (1b);
- UBND xã Bảo Thạnh, huyện Ba Tri (1b);
- Bị cáo (2b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tỉnh